TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: **270**/2024/KDTM-PT
Ngày: 17/12/2024
Về việc tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hường

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Quỳnh Anh

Bà Mai Thị Thanh Tú

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hồ Thị Kim Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh*** *tham gia phiên toà:* Bà Phùng Thị Lan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 12 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 214/2024/TLPT-KDTM ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 3436/2024/KDTM-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6000/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH C Việt Nam

Địa chỉ: Nhà xưởng số 5B, Cụm công nghiệp P 1, xã P, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân P (Văn bản ủy quyền ngày 15/8/2022); Địa chỉ: 636/8/11 Khu 9, đường N, phường C, Thành phố T, tỉnh Bình Dương. *Có mặt*

2. Bị đơn: Công ty TNHH I Việt Nam

Địa chỉ trụ sở: Phòng 5.09 Lầu 5, Tòa nhà S, số 1014 P, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh N (Văn bản ủy quyền ngày 31/3/2023); Địa chỉ: 402A N, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. *Có mặt*

3. Người kháng cáo: Bị đơn - Công ty TNHH I Việt Nam

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2022, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - ông Lê Xuân P trình bày:

Vào ngày 01 tháng 09 năm 2018, Công ty TNHH C Việt Nam (tên cũ: Công ty TNHH H Việt Nam) (*sau đây gọi tắt là Công ty C)* và Công ty TNHH I Việt Nam (tên cũ: Công ty TNHH S) (*sau đây gọi tắt là Công ty I*) đã ký Hợp đồng mua bán số 05-18/HĐMB/HY-I để thỏa thuận việc mua bán hàng hóa, hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01 tháng 09 năm 2018 và kết thúc kỳ hạn hợp đồng vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Trong quá trình thực hiện hợp đồng này hai bên đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, không xảy ra tranh chấp.

Tiếp đó, vào ngày 02 tháng 01 năm 2020 tại văn phòng Công ty C để tiếp tục việc mua bán hàng hóa giữa hai Công ty thì sau khi bàn bạc và thống nhất, Công ty C và Công ty I đã đồng ý ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 01/2020/HY-SM ngày 02 tháng 01 năm 2020. Trong hợp đồng hai bên đã nêu rõ và đồng ý về những điều khoản và điều kiện sau: *Điều 1: Tên hàng – Số lượng – Giá cả – Chất lượng; Điều 2: Giao hàng; Điều 3: Thanh toán; Điều 4: Điều khoản khác.*

Tuy nhiên, ở Hợp đồng nguyên tắc số 01/2020/HY-SM ngày 02 tháng 01 năm 2020 đại diện hai công ty lại không ký tên ở phần cuối hợp đồng. Mặc dù không ký hợp đồng, nhưng do thói quen đã thực hiện xong hợp đồng trước nên các bên vẫn tiếp tục thực hiện mua bán hàng hóa, cụ thể như sau:

Công ty I gửi mail điện tử về quy chuẩn hàng hóa, số lượng hàng hóa đến Công ty C để đặt hàng. Đến kỳ thanh toán tiền hàng thì Công ty C sẽ gửi mail điện tử để cùng thống nhất số lượng đơn hàng mà Công ty I đã đặt, nếu hai bên đã thống nhất thì xuất hóa đơn giá trị gia tăng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty C đã thực hiện đúng nghĩa vụ về việc sản xuất và giao hàng, tuy nhiên phía Công ty I lại không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền hàng như đã thỏa thuận tại "Điều 3" của hợp đồng nguyên tắc số 01/2020/HY-SM và chỉ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 150.000.000 đồng vào các ngày 06/11/2020 và 08/12/2020.

Tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty TNHH I Việt Nam còn phải thanh toán cho Công ty TNHH C Việt Nam số tiền là: 535.947.946 đồng, cụ thể như sau:

- Công nợ tháng 4/2020 là 3.080.000 đồng theo Hóa đơn GTGT số 227 ngày 29/4/2020;

- Công nợ tháng 5/2020 là 186.886.847 đồng theo Hóa đơn GTGT số 240 và 241 ngày 30/5/2020;

- Công nợ tháng 6/2020 là 495.000 đồng theo Hóa đơn GTGT số 08 ngày 30/6/2020;

- Công nợ tháng 7/2020 là 209.327.527 đồng theo Hóa đơn GTGT số 17 ngày 25/7/2020;

- Công nợ tháng 8/2020 là 21.800.196 đồng theo Hóa đơn GTGT số 33 và số 35 ngày 25/8/2020;

- Công nợ tháng 9/2020 là 24.295.590 đồng theo Hóa đơn GTGT số 48 và 49 ngày 25/9/2020;

- Công nợ tháng 10/2020 là 3.981.560 đồng theo Hóa đơn GTGT số 66 ngày 31/10/2020;

- Công nợ tháng 11/2020 là 16.807.846 đồng theo Hóa đơn GTGT số 79 và 80 ngày 30/11/2020;

- Công nợ tháng 12/2020 là 69.273.380 đồng theo Hóa đơn GTGT số 87 ngày 28/12/2020.

Nguyên đơn đã rất nhiều lần gửi mail, gọi điện thoại để yêu cầu Công ty TNHH I Footwear Việt Nam hoàn tất nghĩa vụ thanh toán công nợ, nhưng vẫn không nhận được sự phản hồi từ phía Công ty TNHH I Việt Nam.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty TNHH I Việt Nam phải thanh toán đủ số tiền nợ gốc 535.947.946 đồng.

2. Buộc Công ty TNHH I Việt Nam thanh toán số tiền lãi tạm tính đến ngày 22/6/2023 với mức lãi suất 0.83%/tháng, thời gian chậm thanh toán được nguyên đơn xác định là "thời gian thanh toán sau 60 ngày kể từ ngày bên mua nhận hóa đơn và các chứng từ hợp lệ", cụ thể là:

- Lãi chậm thanh toán tháng 4/2020 tạm tính từ ngày 30/6/2020 đến 10/10/2022 là 708.123 đồng.

- Lãi chậm thanh toán tháng 5/2020 tạm tính từ ngày 31/7/2020 đến 10/10/2022 là 41.415.994 đồng.

- Lãi chậm thanh toán tháng 6/2020 tạm tính từ ngày 31/8/2020 đến 10/10/2022 là 105.588 đồng.

- Lãi chậm thanh toán tháng 7/2020 tạm tính từ ngày 26/9/2020 đến 10/10/2022 là 43.087.978 đồng.

- Lãi chậm thanh toán tháng 8/2020 tạm tính từ ngày 26/10/2022 đến 10/10/2022 là 4.306.410 đồng.

- Lãi chậm thanh toán tháng 9/2020 tạm tính từ ngày 26/11/2020 đến 10/10/2022 là 4.597.697 đồng.

- Lãi chậm thanh toán tháng 10/2020 tạm tính từ ngày 01/01/2021 đến 10/10/2022 là 713.814 đồng.

- Lãi chậm thanh toán tháng 11/2020 tạm tính từ ngày 03/3/2021 đến 10/10/2022 là 2.720.350 đồng.

- Lãi chậm thanh toán tháng 12/2020 tạm tính từ ngày 01/3/2021 đến 10/10/2022 là 11.269.393 đồng.

Tổng số tiền nợ lãi chậm thanh toán: 108.925.347 đồng.

Tại các bản tự khai cũng như trong quá trình hòa giải, ông Lê Minh N là đại diện ủy quyền của bị đơn – Công ty TNHH I Việt Nam trình bày: Công ty I chưa xác nhận được công nợ đối với nguyên đơn nên chưa có ý kiến trình bày.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 3436/2024/KDTM-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Công ty TNHH C Việt Nam.

Buộc Công ty TNHH I Việt Nam phải thanh toán cho Công ty TNHH C Việt Nam tổng cộng số tiền: 739.695.995 (Bảy trăm ba mươi chín triệu sáu trăm chín mươi lăm ngàn chín trăm chín mươi lăm) đồng, trong đó:

Nợ gốc: 535.947.946 đồng;

Nợ lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với mức lãi suất 10%/năm tạm tính đến ngày 30/7/2024 là 203.748.049 đồng.

Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm cũng xác định trách nhiệm chịu án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/8/2024, bị đơn Công ty TNHH I Việt Nam đã nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ theo các thông tin, số liệu từ một phía do nguyên đơn cung cấp mà không có bất kỳ biên bản làm việc hay văn bản nào xác nhận cụ thể số công nợ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là ban hành bản án trái pháp luật và không phù hợp với thực tế khách quan của vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn Công ty TNHH I Việt Nam giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn Công ty TNHH C Việt Nam giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo được nộp trong thời hạn quy định nên hợp lệ.

- Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH I Việt Nam, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Về hình thức của đơn kháng cáo: Xét thấy đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[1.2] Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử có nhận định như sau:

[1.2.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền hàng còn thiếu 535.947.946 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: Vi bằng số 1056/2022/VB-TPL ngày 22/12/2022; Các phiếu xuất hàng; các Hóa đơn GTGT; Biên bản thu hồi hóa đơn đã lập số 02/BBTHHĐ ngày 31/8/2020 có cơ sở xác định mặc dù Công ty C và Công ty I có thảo luận về Hợp đồng nguyên tắc số 01/2020/HY-SM và chưa ký kết về mặt hình thức, tuy nhiên Công ty C đã thực hiện giao hàng cho Công ty I và Công ty C đã xuất các hóa đơn GTGT cho phía bị đơn. Như vậy giữa Công ty C và Công ty I có phát sinh hợp đồng mua bán hàng hóa phù hợp với quy định tại Điều 24 của Luật thương mại về hình thức hợp đồng mua bán hàng hóa. Xét, đại diện bị đơn cũng xác nhận bị đơn và nguyên đơn có thỏa thuận về Hợp đồng nguyên tắc số 01/2020/HY-SM, thừa nhận có nhận hàng từ phía nguyên đơn, tuy nhiên do hai bên chưa chốt công nợ nên không thể xác định số nợ như nguyên đơn trình bày.

Căn cứ các email giao dịch giữa hai bên được thể hiện tại Vi bằng số 1056/2022/VB-TPL ngày 22/12/2022, các hóa đơn GTGT nguyên đơn đã xuất cho bị đơn, Giấy báo có ngày 06/11/2020 và 08/12/2020 bị đơn đã thanh toán 150.000.000 đồng của Hóa đơn GTGT số 240 ngày 30/5/2024 với nội dung "I payment for Inv 0000240 for Hongyang Textile VietNam".; Biên bản thu hồi hóa đơn đã lập số 02/BBTHHĐ ngày 31/8/2020 giữa Công ty Chueng wei và Công ty I với nội dung của biên bản có ghi: "Hai bên thống nhất lập biên bản thu hồi (liên 2) hóa đơn 01GTKT3/001 đã lập, có ký hiệu HY/20^{E} số 0000034 ngày

25/8/2020 để xóa bỏ theo quy định, và sẽ xuất thay thế bằng hóa đơn số 01GTKT3/001, ký hiệu HY/20E số 0000035 ngày 25/8/2020" cũng như tại Văn bản số 8945/CCTTPTĐ ngày 13/8/2024 của Chi cục thuế Thành phố Thủ Đức cung cấp thông tin "Công ty TNHH I Việt Nam đã thực hiện kê khai các hóa đơn theo Công văn số 4476/2024/QĐ-CCTLCC vào các kỳ khai thuế" phù hợp với các hóa đơn GTGT do nguyên đơn xuất trình.

Như vậy có cơ sở xác định rằng giữa các bên có phát sinh quan hệ pháp luật hợp đồng mua bán hàng hóa, các bên đã thực hiện hợp đồng, phía nguyên đơn đã giao hàng cho bị đơn và xuất hóa đơn GTGT, tuy nhiên phía bị đơn mới chỉ thanh toán 150.000.000 đồng cho phía nguyên đơn. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hàng còn thiếu 535.947.946 đồng là có cơ sở như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định.

[1.2.2] Về yêu cầu tính lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường:

Về thời điểm tính lãi: Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc số 01/2020/HY-SM ngày 02/01/2020 quy định: "Công ty I sẽ thanh toán cho Công ty C trong vòng 60 ngày, sau khi nhận hàng, nhận đầy đủ chứng từ hợp lệ". Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời gian chậm thanh toán là sau 60 ngày kể từ ngày bên bị đơn nhận các hóa đơn GTGT cho tới ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở.

Về lãi suất: Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ba Ngân hàng thương mại tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 12,8%/năm. Vì nguyên đơn vẫn giữ nguyên mức lãi suất 10%/năm là tự nguyện không trái với quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận mức lãi xuất 10% là phù hợp và có cơ sở.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty I phải thanh toán cho Công ty C số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 203.748.049 đồng là có cơ sở.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty I, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

- Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là Công ty I phải chịu án phí phúc thẩm.

Đối với phần quyết định lãi, lãi suất đã tuyên "Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chưa thi hành án" tại bản án sơ thẩm là chưa phù hợp theo hướng dẫn tại Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148, Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005.

Căn cứ vào Điều 26 và 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH I Việt Nam. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 3436/2024/KDTM-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh**.**

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Công ty TNHH C Việt Nam.

Buộc Công ty TNHH I Việt Nam phải thanh toán cho Công ty TNHH C Việt Nam tổng cộng số tiền: 739.695.995 (*Bảy trăm ba mươi chín triệu sáu trăm chín mươi lăm ngàn chín trăm chín mươi lăm*) đồng, trong đó: Nợ gốc: 535.947.946 đồng; Nợ lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với mức lãi suất 10%/năm tính đến ngày 30/7/2024 là 203.748.049 đồng. Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH I Việt Nam phải chịu án phí 33.587.840 (Ba mươi ba triệu năm trăm tám mươi bảy ngàn tám trăm bốn mươi) đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 14.897.466 (Mười bốn triệu tám trăm chín mươi bảy ngàn bốn trăm sáu mươi sáu) đồng cho Công ty TNHH C Việt Nam theo biên lai thu tiền tạm ứng an phí, lệ phí số AA/2022/0006645 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH I Việt Nam phải chịu là 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng theo Biên lai thu số 0042278 ngày 22/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH I Việt Nam đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4. Các bên đương sự thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND TPHCM;
- TAND TP. Thủ Đức;
- Cục THADS TP HCM;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Hường